TÒA ÁN NHÂN DÂN **HUYỆN BÌNH CHÁNH** **THÀNH PHỐ HỒ CHÍ MINH**	**CỘNG HÒA XÃ HỘI CHỦ NGHĨA VIỆT NAM** **Độc lập – Tự do – Hạnh phúc**
Số: 122/2020/QĐST-HNGĐ	*Bình Chánh, ngày 28 tháng 02 năm 2020*

QUYẾT ĐỊNH
CÔNG NHẬN THUẬN TÌNH LY HÔN VÀ SỰ THỎA THUẬN CỦA CÁC ĐƯƠNG SỰ

TÒA ÁN NHÂN DÂN HUYỆN BÌNH CHÁNH, THÀNH PHỐ HỒ CHÍ MINH

Căn cứ Điều 212, Điều 213 và Điều 397 của Bộ luật Tố tụng dân sự;

Căn cứ Điều 55, Điều 81, Điều 82, Điều 83 và Điều 84 của Luật Hôn nhân và Gia đình;

Căn cứ Luật phí và Lệ phí năm 2015;

Căn cứ Nghị quyết số 326/2016/UBTVQH14 ngày 30-12-2016 của Ủy ban Thường vụ Quốc hội quy định về mức thu, miễn, giảm, thu, nộp, quản lý và sử dụng án phí và lệ phí Tòa án;

Sau khi nghiên cứu hồ sơ việc dân sự thụ lý số 80/2020/TLST-HNGĐ ngày 03 tháng 02 năm 2020 về việc yêu cầu công nhận thuận tình ly hôn, gồm những người tham gia tố tụng sau đây:

Người yêu cầu giải quyết việc dân sự:

– Ông **Huỳnh Nguyên B**, sinh năm 1986; địa chỉ: Số 156/52 Bis3 đường Đ, phường C, quận N, Thành phố Cần Thơ.

– Bà **Lê Thị T**, sinh năm 1989; địa chỉ: Số E7/189B ấp N, xã P, huyện Q, Thành phố Hồ Chí Minh.

NHẬN ĐỊNH CỦA TÒA ÁN:

[1] Ông Huỳnh Nguyên B và bà Lê Thị T có đăng ký kết hôn tại Ủy ban nhân dân xã P, huyện Q, Thành phố Hồ Chí Minh theo Giấy chứng nhận kết hôn số 13 đăng ký ngày 02 tháng 3 năm 2017. Do đó, hôn nhân giữa ông B và bà T là hôn nhân hợp pháp.

[2] Ngày 07 tháng 01 năm 2020, ông Huỳnh Nguyên B và bà Lê Thị T nộp đơn yêu cầu giải quyết việc dân sự về việc yêu cầu công nhận thuận tình ly hôn.

[3] Việc thuận tình ly hôn và thỏa thuận của các đương sự được ghi trong biên bản hòa giải đoàn tụ không thành ngày 20 tháng 02 năm 2020 là hoàn toàn tự nguyện và không vi phạm điều cấm của luật, không trái đạo đức xã hội.

Đã hết thời hạn 07 (bảy) ngày, kể từ ngày lập Biên bản hòa giải đoàn tụ không thành, không có đương sự nào thay đổi ý kiến về sự thỏa thuận đó.

QUYẾT ĐỊNH:

1. Công nhận thuận tình ly hôn và sự thỏa thuận của các đương sự cụ thể như sau:

– Về quan hệ hôn nhân: Ông Huỳnh Nguyên B và bà Lê Thị T thuận tình ly hôn.

Giấy chứng nhận kết hôn 13 đăng ký ngày 02 tháng 3 năm 2017 tại Ủy ban nhân dân xã P, huyện Q, Thành phố Hồ Chí Minh cấp cho ông Huỳnh Nguyên B và bà Lê Thị T không còn giá trị pháp lý.

– Về con chung:

Hai bên thỏa thuận giao trẻ Huỳnh Nguyên H, sinh ngày 24/3/2017 (Giới tính: Nam) cho bà T trực tiếp nuôi dưỡng.

Hằng tháng, vào ngày 9 dương lịch, ông Huỳn Nguyên B có nghĩa vụ cấp dưỡng nuôi con là 5.000.000 đồng (Năm triệu đồng); bắt đầu thực hiện từ ngày 09 tháng 3 năm 2020 cho đến khi phát sinh căn cứ chấm dứt nghĩa vụ cấp dưỡng theo quy định của pháp luật.

Các bên đương sự thỏa thuận thực hiện việc giao nhận tiền cấp dưỡng bằng phương thức chuyển khoản số tiền nêu trên vào tài khoản của bà Lê Thị T theo số tài khoản 0171003465365 mở tại ngân hàng TMCP V – Chi nhánh C.

Trường hợp ông Huỳnh Nguyên B chậm thực hiện việc cấp dưỡng nuôi con thì ông B còn phải trả lãi đối với số tiền chậm trả tương ứng với thời gian chậm trả. Lãi suất phát sinh do chậm trả tiền được xác định tại Điều 357 và Điều 468 của Bộ luật Dân sự năm 2015.

Ông Huỳnh Nguyên B có quyền tới lui thăm nom chăm sóc con chung không ai có quyền ngăn cản. Vì lợi ích con chung khi cần thiết có thể xin thay đổi nuôi con hoặc đóng góp mức cấp dưỡng nuôi con sau này.

Cha, mẹ không trực tiếp nuôi con lạm dụng việc thăm nom để cản trở hoặc gây ảnh hưởng xấu đến việc chăm nom, chăm sóc, nuôi dưỡng, giáo dục con thì người trực tiếp nuôi con có quyền yêu cầu tòa án hạn chế quyền thăm nom con của người đó.

Cha, mẹ trực tiếp nuôi con cùng các thành viên gia đình không được cản trở người không trực tiếp nuôi con trong việc thăm nom, chăm sóc, nuôi dưỡng, giáo dục con.

– Về tài sản chung và nợ chung: Ông B và bà T xác nhận không có, không yêu cầu Tòa án giải quyết.

2. Về lệ phí Tòa án: Ông Huỳnh Nguyên B và bà Lê Thị T chịu lệ phí hôn nhân và gia đình sơ thẩm là 300.000 đồng (ba trăm nghìn đồng), nhưng được trừ vào số tiền tạm ứng lệ phí đã nộp là 300.000 đồng (ba trăm nghìn đồng) theo Biên

lai thu tạm ứng án phí, lệ phí Tòa án số AA/2019/0078512 ngày 17/01/2020 của Chi cục Thi hành án dân sự huyện Q, Thành phố Hồ Chí Minh. Ông B và bà T đã nộp đủ lệ phí sơ thẩm.

3. Quyết định này có hiệu lực pháp luật ngay sau khi được ban hành và không bị kháng cáo, kháng nghị theo thủ tục phúc thẩm.

4. Quyết định này được thi hành theo quy định tại Điều 2 của Luật thi hành án dân sự năm 2008 (sửa đổi, bổ sung năm 2014) thì người được thi hành án dân sự, người phải thi hành án dân sự có quyền thỏa thuận thi hành án, quyền yêu cầu thi hành án, tự nguyện thi hành án hoặc bị cưỡng chế thi hành án theo quy định tại các Điều 6,7,7a và 9 của Luật thi hành án dân sự năm 2008 (sửa đổi, bổ sung năm 2014). Thời hiệu thi hành án được thực hiện theo quy định tại Điều 30 của Luật thi hành án dân sự năm 2008 (sửa đổi, bổ sung năm 2014).

Nơi nhận:
- Đương sự;
- VKSND H. Q;
- UBND X. P, H. Q, TP. HCM;
- Lưu: VT, hồ sơ việc dân sự.

THẨM PHÁN

Trần Tuấn Khương